

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Gũ,
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 4414/BXD-QHKT ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ý kiến về đồ án Quy hoạch chung đô thị Gũ, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 8441/SXD-QH ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc Đề án quy hoạch chung xây dựng đô thị Gũ, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 262/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Hà Trung).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án quy hoạch chung xây dựng đô thị Gũ, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu, lập quy hoạch chung đô thị bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên các xã: Lĩnh Toại, Hà Hải và Hà Châu; ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: xã Hoạt Giang;
- Phía Nam giáp: huyện Hậu Lộc;
- Phía Đông giáp: huyện Nga Sơn;
- Phía Tây giáp: xã Yên Sơn, Hà Thái và Hà Lai.

2. Tính chất, chức năng đô thị

- Tính chất: Là đô thị Dịch vụ, thương mại trên hành lang kinh tế quốc lộ 217 và 217B. Trung tâm đầu mối vùng huyện phía Đông quốc lộ 1A, có vai trò liên kết vùng phía Đông huyện Hà Trung với vùng huyện lân cận (Bỉm Sơn, Nga Sơn, Hậu Lộc).

- Chức năng chính bao gồm: Công nghiệp - Dịch vụ, Nông nghiệp chuyên canh ứng dụng công nghệ cao.

3. Quy mô

- Diện tích lập quy hoạch: Khoảng 1.759,73 ha.
- Quy mô dân số:
 - + Dân số hiện trạng 2020 khoảng: 13.766 người;
 - + Dự báo dân số đến năm 2030 khoảng: 20.000 người;
 - + Dự báo dân số đến năm 2045 khoảng: 25.000 người.

4. Quy mô đất đai đô thị và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được

4.1. Quy mô đất đai đô thị, chỉ tiêu sử dụng đất

- Đất xây dựng đô thị: 644,32 ha;
- Đất dân dụng hiện trạng: 311,69 ha; đất dân dụng phát triển mới: 111,39 ha (100m²/người); trong đó:
 - + Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo, tái định cư: 240,71 ha;
 - + Đất đơn vị ở phát triển mới: 61,78 ha, đạt chỉ tiêu 55,0 m²/người.
 - + Đất công cộng đô thị (hiện trạng và phát triển mới): 32,85 ha; đạt chỉ tiêu 13,14 m²/người.
- Đất công viên cây xanh đô thị: 12,58 ha, đạt chỉ tiêu 5,00 m²/người.

4.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng: 24,14%;
- Chỉ tiêu điện năng: 1.000-1.500KWh/người-năm;
- Cấp nước sinh hoạt: 120 lít/người – ngày đêm;
- Thoát nước bản: 90% nước cấp;
- Thu gom xử lý rác thải: 1 Kg/ người – ngày;
- Thu gom xử lý: 100% chất thải.
- Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải thiết kế riêng biệt.

5. Định hướng phát triển không gian đô thị

5.1. Hướng phát triển đô thị

- Đô thị Gũ huyện Hà Trung được phát triển trên cơ sở các trục không gian chủ đạo như Quốc lộ 217 kéo dài, đường Bắc Nam và hệ thống các tuyến đường Đông - Tây kết nối huyện Hà Trung và huyện Nga Sơn qua đô thị.

- Hướng phát triển của đô thị: Phát triển dọc theo trục Bắc - Nam trên cơ sở quy hoạch mới tuyến giao thông và quỹ đất thuận lợi xây dựng.

- Khu vực cải tạo chỉnh trang: Khu vực dân cư hiện tại dọc tuyến tỉnh lộ 508 được cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng tốt hơn chất lượng cuộc sống.

- Bố trí cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mới tại khu vực phía Tây xã Lĩnh Toại.

- Khu vực sản xuất nông nghiệp: Phát triển khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại khu vực phía Đông đô thị.

5.2. Định hướng tổ chức không gian đô thị

- Mô hình phát triển không gian đô thị theo hướng phân tán, đa trung tâm, với hạt nhân tại khu vực dọc đường Tỉnh 508, dọc tuyến đường Bắc Nam.

- Toàn bộ đô thị được chia làm 03 khu vực phát triển dọc theo trục chính từ Bắc xuống Nam. Trong đó, các khu hiện có chủ yếu ổn định về mặt không gian, giữ nguyên hệ thống công trình chỉ cải tạo chỉnh trang về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tăng cường các không gian cây xanh, không gian công cộng; tại mỗi khu vực cần phát triển tập trung quy mô lớn để hình thành các khu vực đô thị mới đồng bộ, hiện đại.

- Phát triển hệ thống giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng huyện. Định hướng đường Tỉnh 508 đoạn qua xã Lĩnh Toại, Hà Hải là Quốc lộ 217 kéo dài. Tuyến đường Bắc Nam bố trí về phía tây xã Lĩnh Toại. Mạng lưới giao thông bố trí theo mạng ô cờ

- Bố trí khu thương mại tập trung tại khu vực dọc Quốc lộ 217 kéo dài nhằm tạo điểm nhấn về mặt không gian. Cụm công nghiệp mới được bố trí tại khu vực phía Tây đô thị. Khu đô thị mới bố trí gắn với trung tâm các xã hiện có.

- Giữ lại các không gian xanh liên tục kết nối với nhau thành một dải nhằm giảm cách các khu vực phát triển, giảm mật độ đô thị, là không gian để cải thiện vi khí hậu, thoát nước và môi trường. Các không gian mở đô thị được bố trí thành mạng lưới phân bố đều trong các khu dân cư, trên cơ sở tận dụng các ao hồ hiện có để cải tạo thành các công viên đô thị. Bố trí khu công viên trung tâm tại khu vực phía Bắc xã Hà Hải để phục vụ cho toàn đô thị.

5.3. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính

5.3.1. Khu vực đất dân dụng: Tổng diện tích 423,08 ha.

a) Đất đơn vị ở: Tổng diện tích 302,49 ha.

- Các khu dân cư hiện trạng: Cơ bản ổn định các khu dân cư hiện hữu, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, bổ sung các không gian công cộng, cây xanh, nhằm nâng cao dần chất lượng sống cho các khu dân cư, đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị theo các tiêu chí đô thị loại V.

- Các khu ở mới: Các khu dân cư phát triển mới được bố trí tập trung tại 03 khu vực và xen ghép tại các khu dân cư hiện có, bao gồm:

+ Khu vực 01: tại phía Bắc đô thị thuộc xã Hà Châu, dọc theo trục chính Bắc - Nam.

+ Khu vực 02: tại khu vực trung tâm xã Hà Hải, dọc theo trục chính Bắc - Nam.

+ Khu vực 03: tại khu vực phía Bắc xã Lĩnh Toại và phía Nam xã Hà Hải, dọc theo trục chính Bắc - Nam và Quốc lộ 217 kéo dài.

- Các khu tái định cư được tổ chức, bố trí tại các vị trí khu ở mới thích hợp khi có dự án đầu tư cụ thể cần phải giải phóng mặt bằng.

b) Đất công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị:

- Tổng diện tích 32,85 ha, bao gồm các công trình hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,...

- Các công trình hành chính - chính trị cấp đô thị: Diện tích khoảng 2,26 ha. Công sở các xã: Lĩnh Toại, Hà Hải, Hà Châu được giữ nguyên vị trí, cải tạo chỉnh trang về kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật. Công sở xã Hà Toại cũ được chuyển đổi thành đất đơn vị ở.

- Chợ Gũ (chợ Hạng 3) được giữ nguyên vị trí, mở rộng về phía Bắc tiếp giáp tuyến đường Đông Tây 1. Diện tích khoảng 1,44 ha.

- Chợ Nga Châu (chợ Hạng 3) được giữ nguyên vị trí, cải tạo chỉnh trang nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ của khu vực phía Bắc đô thị và vùng phụ cận. Diện tích khoảng 0,53 ha.

c) Đất công viên cây xanh đô thị: Tổng diện tích 12,58 ha.

- Xây dựng 8 khu công viên cây xanh mới, bố trí phân tán theo các khu dân cư đô thị đảm bảo quy mô và bán kính phục vụ. Trong đó, bố trí 01 công viên trung tâm gắn với khu trung tâm thể thao phía Bắc xã Hà Hải để hình thành một khu vực cảnh quan, không gian mở làm điểm nhấn cho đô thị với diện tích khoảng 1,91ha.

5.3.2. Khu vực đất ngoài dân dụng: Tổng diện tích khoảng 221,24 ha.

a) Đất công nghiệp: tổng diện tích 60,14 ha.

Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được bố trí tại khu vực phía Tây đô thị. Thu hút phát triển công nghiệp nhẹ với các loại hình công nghiệp sạch, công nghệ cao không gây ô nhiễm môi trường.

b) Đất phòng khám y tế:

Bố trí phòng khám đa khoa tại khu vực xã Hà Hải quy mô khoảng 0,94 ha phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người dân đô thị và khu vực phụ cận.

c) Đất Thương mại dịch vụ:

Bố trí các công trình thương mại dịch vụ cấp vùng dọc theo tuyến trục chính Bắc - Nam và các tuyến trục chính Đông - Tây, đường tỉnh 508 để tạo điểm nhấn kiến trúc cho đô thị với diện tích khoảng 17,17 ha.

d) Đất hỗn hợp:

- Bố trí khu vực đất hỗn hợp tại vị trí cửa ngõ đô thị, điểm giao giữa trục chính Bắc - Nam và tuyến Quốc lộ 217; để xây dựng các công trình dân dụng (không bao gồm nhà ở), được sử dụng cho các mục đích khác nhau; tổng diện tích khoảng 27,88 ha.

- Chức năng cụ thể và tỷ lệ đất cho mỗi chức năng sẽ được quy định cụ thể khi lập quy hoạch chi tiết các khu đất hỗn hợp.

e) Đất di tích, tôn giáo:

Các điểm di tích hiện có được giữ nguyên vị trí, cần cắm mốc giới, khoanh vùng bảo vệ di tích theo quy định của Luật Di sản văn hoá. Tùy từng công trình cụ thể có chương trình bảo quản, tu bổ, phục hồi nhằm phát huy giá trị của di tích là điểm tham quan, tín ngưỡng của cộng đồng dân cư gắn với phát triển du lịch văn hóa tâm linh phục vụ nhu cầu của du khách.

5.4. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

- Kiểm soát chặt chẽ các không gian xanh, các hành lang xanh và không gian công cộng, hạn chế xây dựng công trình trong khu vực này, mật độ xây dựng tối đa không quá 5%.

- Các khu dân cư hiện hữu được cải tạo theo hướng bổ sung các tiện ích, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không xây dựng các công trình cao tầng làm tăng hệ số sử dụng đất gây áp lực lên hệ thống hạ tầng.

- Các khu dân cư phát triển mới, khu lập các quy hoạch chi tiết phải phân thành các khu vực để kiểm soát, quy định hình thức kiến trúc cho các từng khu vực, trong mỗi khu vực các công trình nhà ở phải được xây dựng đồng nhất về hình thức kiến trúc, khuyến khích xây dựng các công trình với hình thức kiến trúc hiện đại.

- Các công trình thương mại dịch vụ dọc theo các trục chính đô thị phải xây dựng các công trình có khối tích lớn, hình thức kiến trúc hiện đại để tạo được không gian kiến trúc trên toàn tuyến, làm điểm nhấn cảnh quan đô thị.

6. Cơ cấu sử dụng đất theo chức năng

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn

STT	Tên đất	Ký hiệu	Đến năm 2030		Đến năm 2045	
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Đất xây dựng đô thị		524.15	29.79	644.32	36.61
I	Đất dân dụng hiện trạng		311.69	17.71	311.69	17.71
1	Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo, tái định cư		240.71	13.68	240.71	13.68
a	Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo	HT	231.51	13.16	231.51	13.16
b	Đất tái định cư	TDC	9.20	0.52	9.20	0.52
2	Đất công cộng hiện trạng	CC	15.97	0.91	15.97	0.91
a	Đất hành chính	HC	2.26	0.13	2.26	0.13
b	Đất văn hóa	VH	0.38	0.02	0.38	0.02
c	Đất chợ	C	1.97	0.11	1.97	0.11
d	Đất trạm y tế	YT	1.62	0.09	1.62	0.09
e	Đất trường học	TH	5.72	0.33	5.72	0.33
g	Đất thể dục thể thao	TDTT	4.02	0.23	4.02	0.23
3	Đất giao thông		55.01	3.13	55.01	3.13
II	Đất dân dụng mới		73.57	4.18	111.39	6.33
1	Đất đơn vị ở mới	DCM	41.31	2.35	61.78	3.51
2	Đất công cộng đô thị	CC	11.77	0.67	16.88	0.96
a	Đất trường học	TH	1.95	0.11	4.30	0.24
b	Đất y tế	YT-04	0.94	0.05	0.94	0.05
c	Đất quảng trường	QT	2.94	0.17	2.94	0.17
d	Đất trung tâm văn hóa	VH-01	2.35	0.13	2.35	0.13
e	Đất thể dục thể thao	TDTT-03	0.74	0.04	0.74	0.04
g	Đất thương mại	DVTM	1.56	0.09	4.32	0.25
h	Đất hỗn hợp	HH-08	1.29	0.07	1.29	0.07
3	Đất công viên cây xanh	CVCX	5.11	0.29	12.58	0.71
4	Đất giao thông		15.38	0.87	20.15	1.15
III	Đất ngoài dân dụng		138.89	7.89	221.24	12.57
1	Đất công cộng		9.84	0.56	20.11	1.14
a	Đất thương mại cấp vùng	DVTM	6.90	0.39	17.17	0.98
b	Đất thể dục thể thao cấp vùng	TDTT-02	2.94	0.17	2.94	0.17
2	Đất công trình hỗn hợp	HH	13.84	0.79	27.88	1.58
3	Đất quốc phòng, an ninh	QP	3.99	0.23	3.99	0.23
4	Đất cây xanh cách ly	CXCL	2.29	0.13	2.29	0.13
5	Đất cụm công nghiệp-ttcn	CN	28.95	1.65	60.14	3.42

STT	Tên đất	Ký hiệu	Đến năm 2030		Đến năm 2045	
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TN	3.24	0.18	3.24	0.18
7	Đất nghĩa trang	NT	17.00	0.97	17.00	0.97
8	Đất giao thông đối ngoại		53.62	3.05	80.47	4.57
9	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	DM	6.12	0.35	6.12	0.35
B	Đất khác		1235.58	70.21	1115.41	63.39
1	Đất nông nghiệp		989.27	56.22	869.10	49.39
a	Đất trồng lúa, trồng màu	SXNN	724.62	41.18	556.53	31.63
b	Đất nuôi trồng thủy sản	TS	112.01	6.37	112.01	6.37
c	Đất nông nghiệp công nghệ cao	CNC	133.88	7.61	181.80	10.33
d	Đất trồng cây lâu năm	CLN	18.76	1.07	18.76	1.07
2	Đất lâm nghiệp (rừng sản xuất)	DN-R	71.78	4.08	71.78	4.08
3	Đất cây xanh cảnh quan (thảm thực vật)	CXCQ	49.84	2.83	49.84	2.83
4	Đất hành lang điện cao thế		21.02	1.19	21.02	1.19
5	Đất mặt nước	MN	103.67	5.89	103.67	5.89
	Tổng		1759.73	100.00	1759.73	100.00

7. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

a) Quy hoạch cao độ nền:

- Kết hợp hài hòa cao độ nền khu dân cư hiện trạng và cao độ nền của khu đất quy hoạch xây dựng mới.

- Chọn cốt không chế thấp nhất cho khu vực là 2,35m; độ dốc nền thoát nước là $i=0,1\% - 0,4\%$, thuận lợi cho thoát nước mưa.

- Khu vực phía Bắc kênh tiêu Thái Hải: san nền tạo độ dốc chính theo hướng Đông - Nam tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thoát nước ra kênh Nga Đình, kênh Hà Châu, kênh Đông Quang, kênh Như Lăng, kênh Thái Hải.

- Khu vực phía Bắc đường Đông Tây 1 đến kênh tiêu Thái Hải: san nền tạo độ dốc chính theo hướng Đông – Bắc tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thoát nước ra kênh tiêu Thái Hải.

- Khu vực phía Nam đường Đông Tây 1: san nền tạo độ dốc theo hướng Đông - Nam tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thoát nước ra kênh thôn Gũ, kênh Nga, kênh thôn Chế.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải, được chia thành 2 lưu vực chính:

- Lưu vực 1 (phía Bắc đường Đông Tây 1) thoát về phía Đông: Nước mưa được thu gom và thoát theo hệ thống mương dọc các tuyến đường, thoát ra hệ thống kênh Hà Châu, Đông Quang, Thái Hải, sau đó chảy xuống sông Báo Văn ở phía Đông.

- Lưu vực 2 (phía Nam đường Đông Tây 1), có 2 hướng thoát chính:

+ Hướng 1 (Khu vực phía Tây đường Bắc Nam 1): Nước mưa được thu gom và thoát theo hệ thống mương dọc các tuyến đường, thoát ra kênh thôn Gũ sau đó đổ ra sông Lèn qua cống Cống Bàng, Độ Thôn.

+ Hướng 2 (Khu vực phía Đông đường Bắc Nam 1): Nước mưa được thu gom và thoát theo hệ thống mương dọc các tuyến đường, thoát ra sông Lèn, sông Báo Văn qua hệ thống kênh Nga, kênh Bang.

7.2. Quy hoạch giao thông

Các tuyến đường quy hoạch xây dựng mới trên cơ sở tận dụng các tuyến đường hiện trạng. Cập nhật các định hướng của các quy hoạch có liên quan: Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa, quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, đảm bảo tính hệ thống. Xây dựng mạng lưới giao thông hiện đại, chất lượng cao; đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị và phục vụ đời sống của nhân dân.

** Giao thông đối ngoại - trục chính đô thị*

- Mở rộng, nâng cấp tuyến đường tỉnh 508: Đoạn bắt đầu đô thị Gũ đến nút giao giữa đường tỉnh 508 với đường Bắc - Nam 1 và đoạn từ Km 8 – Cầu Báo Văn (mặt cắt ngang 1-1) lòng đường 2x7,5m; hè 2x5,0m; Chỉ giới đường đỏ (CGĐĐ) = 25,0m. Đoạn từ nút giao giữa đường tỉnh 508 với đường Bắc - Nam 1 đến Km 8 (mặt cắt ngang 2-2) lòng đường 2x7,5m; dải phân cách giữa 2,0m; dải phân cách bên 2,0m; bố trí đường gom 2 bên, mỗi bên 2x7,5m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 46m.

- Mở rộng, nâng cấp tuyến đường tỉnh 527C (mặt cắt ngang 3-3): lòng đường 2x3,75m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 17,5m.

- Xây dựng đường Bắc Nam 1 (mặt cắt ngang 4-4) lòng đường 2x7,5m; dải phân cách giữa 2,0m; dải phân cách bên 2,0m; bố trí đường gom 2 bên, mỗi bên 2x7,5m; hè 2x6,0m; CGĐĐ = 48m là trục chính kết nối theo hướng Bắc - Nam.

- Xây dựng đường tỉnh 523 kéo dài (mặt cắt ngang 5-5): lòng đường 2x7,5m; dải phân cách 3,0m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 28,0m là trục kết nối Đông Tây ở phía Bắc đô thị.

- Xây dựng đường Đông Tây 1 (mặt cắt ngang 6-6): lòng đường 2x10,5m; dải phân cách 3,0m; hè 2x6,0m; CGĐĐ = 36,0m là trục chính kết nối theo hướng Đông - Tây.

- Xây dựng đường Đông Tây 2 (mặt cắt ngang 1-1) lòng đường 2x7,5m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 25,0m.

- Xây dựng đường Đông Tây 3 (mặt cắt ngang 7-7) lòng đường 10,5m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 20,5m.

** Giao thông đối nội*

- Trên cơ sở bộ khung là các tuyến giao thông chính ở trên, xây dựng các tuyến đường khu vực đô thị, đường nội bộ theo dạng ô bàn cờ, với quy mô mặt cắt ngang như sau:

- Đường Bắc Nam 2, Bắc Nam 3, Bắc Nam 4, Bắc Nam 5, (mặt cắt ngang 7-7) lòng đường 10,5m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 20,5m.

- Nâng cấp mở rộng các tuyến đường hiện có đảm bảo chiều rộng lòng đường 7,5m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 17,5m.

- Đê tả sông Lèn (mặt cắt ngang 9-9). Mặt đê rộng 6,0m, lè 2x0,5m, độ dốc mái đê 1:2 đến 1:3 chiều rộng mái đê 10-15m. Hành lang bảo vệ đê khu vực qua khu dân cư là 5m; khu vực không đi qua khu dân cư về phía sông là 20m, về phía đồng là 25m.

- Đê hữu sông Hoạt (mặt cắt ngang 10-10). Mặt đê rộng 6,0m, lè 2x0,5m, độ dốc mái đê 1:2 đến 1:3 chiều rộng mái đê 8-12m. Hành lang bảo vệ đê khu vực qua khu dân cư là 5m; khu vực không đi qua khu dân cư là 15m về phía sông và phía đồng.

** Giao thông tỉnh, giao thông công cộng*

- Bố trí bến xe tại khu vực phía Bắc đường tỉnh 508, diện tích khoảng 0,96 ha. Ngoài ra bố trí hệ thống các bãi đỗ xe phân tán trong đô thị theo hình thức kết hợp với các khu vực chức năng đô thị, tùy theo nhu cầu cụ thể; đảm bảo tiêu chuẩn.

- Tiếp tục khai thác, nâng cấp tuyến xe bus hiện có. Nghiên cứu phát triển các tuyến bus mới, tăng cường kết nối với các khu vực trọng điểm trong tỉnh như Tp. Thanh Hóa, Bỉm Sơn, Nga Sơn, Thạch Thành.

7.3. Quy hoạch cấp điện

* Tổng nhu cầu dùng điện:

- Đến năm 2030: 12.275 kVA.

- Đến năm 2045: 22.319 kVA.

* Nguồn cấp điện: Nguồn cấp điện cho đô thị Gũ được lấy từ trạm 110kV Hà Trung (25+40MVA). Đến năm 2025 Nâng cấp công suất trạm 110KVA lên (2x40)MVA110/35/22kV.

* Mạng lưới cấp điện:

- Mạng lưới trung áp: Lưới 35kV hiện có: Di chuyển vào hành lang các tuyến giao thông theo quy hoạch; Lưới 35kV, 22kV quy hoạch mới dọc theo các tuyến giao thông, khuyến khích đi ngầm.

- Mạng lưới hạ thế: Cải tạo các mạng lưới 0.4kV hiện hữu; đối với mạng lưới 0.4kV quy hoạch mới khuyến khích quy hoạch ngầm nhằm đảm bảo mỹ quan và an toàn cấp điện.

* Trạm biến áp phân phối: Các trạm biến áp hiện có được giữ nguyên vị trí và được tính toán nâng công suất đáp ứng nhu cầu. Các trạm biến áp quy hoạch mới được tính toán bố trí phù hợp và được xác định cụ thể khi lập quy hoạch chi tiết..

* Chiếu sáng: Bố trí chiếu sáng cho toàn bộ các tuyến đường trong đô thị, vườn hoa công viên cây xanh.

7.4. Quy hoạch cấp nước

* Tổng nhu cầu dùng nước của đô thị: Đến năm 2030 là 4.200 m³/ng.đ; đến năm 2045 là 6.200 m³/ngđ;

* Nguồn cấp nước cho đô thị Gũ xây dựng mới tại thị trấn Hà Trung, có vị trí tại phía Đông chợ Lèn đã được xác định trong quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung được duyệt. Công suất Q = 34.000 m³/ng.đ; nguồn nước thô lấy tại sông Lèn.

* Mạng lưới đường ống:

- Quy hoạch mạng lưới cấp nước cho toàn bộ khu vực đô thị Gũ.
- Hệ thống ống cấp nước được thiết kế mới hoàn toàn. Đường ống cấp nước bố trí ngầm dưới vỉa hè các tuyến giao thông. Mạng lưới cấp nước sử dụng mạng vòng kết hợp với mạng cụt.
- Các trụ cứu hoả ngoài nhà chọn loại nổi D110, khoảng cách mỗi trụ cứu hoả nhỏ hơn 150m/ trụ.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Nhu cầu thải nước của khu vực: $Q = 4.700 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$
- Toàn bộ nước thải sinh hoạt, công cộng,... được thu gom bằng hệ thống cống chạy dọc trên vỉa hè và dẫn về trạm xử lý nước thải.
- Trạm xử lý nước thải: Xây dựng 01 nhà máy xử lý nước thải đặt tại phía Nam xã Lĩnh Toại, xử lý nước thải cho sinh hoạt và cụm công nghiệp phía Nam dự kiến, nước thải đã xử lý xả ra sông Lèn.

b) Vệ sinh môi trường:

* Thu gom và xử lý chất thải rắn:

- Giai đoạn đến năm 2025, chất thải rắn khu vực đô thị Cừ được thu gom, vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn tổng hợp tại xã Hà Đông.
- Giai đoạn sau năm 2025 sử dụng khu xử lý chất thải rắn cấp vùng đặt tại thị xã Bím Sơn.

* Nghĩa trang:

- Giữ nguyên quy mô nghĩa trang tại khu vực phía Đông xã Hà Châu, phía Đông xã Hà Hải, phía Tây xã Lĩnh Toại, tổng diện tích khoảng 13,84ha, không tổ chức hung táng, từng bước cải tạo chỉnh trang theo mô hình công viên nghĩa trang.
- Bố trí khu nghĩa trang mới phục vụ đô thị tại khu vực phía Đông xã Hà Châu quy mô khoảng 3,16 ha.
- Di dời các khu mộ nằm rải rác trong khu vực dân cư, khu vực sản xuất nông nghiệp về nghĩa trang nhân dân mới của đô thị.

7.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

- Tổng nhu cầu dịch vụ viễn thông của khu vực lập quy hoạch là: 8.125 đường dây thuê bao.

- Nâng cấp trạm truy nhập quang; xây dựng các tuyến cáp quang ngầm dọc các tuyến giao thông từ trạm trung tâm thị trấn Hà Trung về trạm truy nhập quang trong khu vực.

- Bố trí lại hệ thống các trạm phát sóng (BTS) hiện có nhằm đảm bảo quy cách và an toàn theo Quyết định 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Đầu tư xây dựng 04 cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động thân thiện với môi trường, dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông trong khu vực.

- Cải tạo chỉnh trang các trạm viễn thông hiện có, kết nối bằng tuyến cáp quang ngầm.

- Từ trạm viễn thông trung tâm kéo các tuyến cáp đến các tủ cáp trong các khu vực đô thị. Từ các tủ cáp đầu nối tới hộp cáp và từ hộp cáp sẽ dẫn đến các thuê bao (thiết bị đầu cuối).

8. Quy định bảo vệ môi trường

- Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn được thoát ra sông Lèn.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được phân loại tại nguồn, thu gom và đưa về khu chứa chất thải rắn tập trung.

- Nghiêm cấm việc chăn thả gia súc, gia cầm trên đường phố coi trọng việc trồng cây xanh, tạo cho đô thị môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp. Tổ chức thu gom xử lý rác thải 100%.

- Trồng cây xanh 2 bên trục đường giao thông theo quy hoạch chi tiết được duyệt, chọn loại cây có nhiều bóng mát, ít sâu bệnh và chịu được gió bão. Xây dựng và trồng cây cho khu công viên chính của đô thị, đặc biệt chú trọng trồng cây xanh vườn hoa, gắn cây xanh với mặt nước, tạo thành điểm nhấn của đô thị, đáp ứng yêu cầu vui chơi nghỉ ngơi của đô thị. Tổ chức trồng cây xanh, sân vườn, khuôn viên, bồn hoa, trong các cơ quan nhà nước, công trình công cộng...vv.

9. Các hạng mục ưu tiên đầu tư

STT	Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư	Nguồn vốn thực hiện
A	Giai đoạn đoạn năm 2021-2030	
I	Các công trình dịch vụ cơ bản đô thị	
	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới hệ thống giáo dục, hệ thống thể thao văn hóa đơn vị ở hiện có	Ngân sách
	Đầu tư các khu dân cư mới xã Lĩnh Toại, khu dân cư mới xã Hà Hải, khu dân cư mới xã Hà Châu.	Xã hội hóa
	Đầu tư khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các tuyến đường giao thông đô thị (đầu tư mới, mở rộng, nâng cấp), dân cư di dời từ ngoài đô, dân cư di dời tại các khu vực sạt lở nguy hiểm.	Ngân sách
	Đầu tư các dự án về thương mại dịch vụ, dịch vụ hỗn hợp dọc đường Tỉnh 508 và đường trục chính Bắc - Nam mới	Xã hội hóa
	Đầu tư công trình công cộng trong các đơn vị ở	Ngân sách
	Mở rộng, cải tạo chợ Gũ	Ngân sách
	Trung tâm văn hóa các xã	Ngân sách
V	Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	Ngân sách
1	Hệ thống giao thông	
	Cải tạo, mở rộng tuyến đường 508	
	Xây dựng mới tuyến đường Đông - Tây 1	
	Xây dựng mới tuyến đường chính Bắc - Nam	
	Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Gũ	
	Đầu tư tuyến đường liên khu vực, đường chính khu vực	
2	Hệ thống thoát nước mưa	
3	Hệ thống cấp điện	
4	Hệ thống cấp nước	
5	Hệ thống thoát nước thải	
6	Rác thải, nghĩa trang	
B	Giai đoạn đoạn năm 2031-2045	
	Đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục còn lại	

Điều 2. Tổ chức thực hiện.**1. UBND huyện Hà Trung có trách nhiệm**

- Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định, tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu Quy hoạch chung xây dựng đô thị Gũ, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 cho địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại Khoản 12, Điều 29 của Luật 35/2018/QH14.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng, các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H10.(2021)QDPD QHC DT Gu

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm